

Số: 582/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 421/2024/HNST ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông **Trần Việt A**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Căn hộ B Chung cư H, Số C đường L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bà **Vương Thị Như Q**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Căn hộ B Chung cư H, Số C đường L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Việt A** và bà **Vương Thị Như Q** tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 132, Quyển số 01/2005, đăng ký ngày 02/11/2005 tại **Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**). Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa ông **A** và bà **Q** phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông A và bà Q không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 287, Quyền số 02/2006, đăng ký ngày 29/11/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh (Bản sao) số 155, Quyền số 01/2008, đăng ký ngày 16/5/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q; ông bà có 02 (hai) con chung là: Trần Linh A1, sinh ngày 29/9/2006 (nữ) và Trần Việt C, sinh ngày 16/3/2008 (nam).

Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận: Bà Vương Thị Như Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Linh A1, sinh ngày 29/9/2006; Ông Trần Việt A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Việt C, sinh ngày 16/3/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A và bà Q không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q xác nhận không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 132, Quyền số 01/2005, đăng ký ngày 02/11/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 287, Quyền số 02/2006, đăng ký ngày 29/11/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh (Bản sao) số 155, Quyền số 01/2008, đăng ký

ngày 16/5/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q; ông bà có 02 (hai) con chung là: Trần Linh A1, sinh ngày 29/9/2006 (nữ) và Trần Việt C, sinh ngày 16/3/2008.

Giao cho bà Vương Thị Như Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Linh A1, sinh ngày 29/9/2006.

Giao cho ông Trần Việt A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Việt C, sinh ngày 16/3/2008.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông A và bà Q; không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) Ông Trần Việt A và bà Vương Thị Như Q chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019530 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A và bà Q đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong

